

Bản án số: 35/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 10-5-2023

V/v tranh chấp ly hôn, con chung”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hoàng Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Trọng Khôi
- Bà Nguyễn Thị Cẩm

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Trúc Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 399/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2022 về việc: “Tranh chấp ly hôn, con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2023, giữa:

- Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1978 “có mặt”.
- Bị đơn:** Anh Phạm Văn T, sinh năm 1978 “vắng mặt”.

Cùng địa chỉ cư trú: ấp L, xã TH, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

3. Người làm chứng:

3.1. Bà Trần Thị S, sinh năm 1967 “vắng mặt”.

Địa chỉ cư trú: ấp B, xã C, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

3.2. Bà Phan Thị N, sinh năm 1958 “vắng mặt”.

Địa chỉ cư trú: ấp L, xã TH, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 17/8/2022 nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng H trình bày: Chị và anh Phạm Văn T xây dựng hôn nhân vào năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện L, tỉnh Vĩnh Long

vào ngày 27/12/1999, sau khi kết hôn thì vợ chồng sống tại ấp L, xã TH, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian vợ chồng chung sống được khoảng 23 năm, thời gian đầu sống hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn do cuộc sống không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi. Từ đó, vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 07 năm 2021 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống không thể tiếp với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt nên chị yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Thị Tường D, sinh ngày 25/10/2000 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết và Phạm Thị Thúy V, sinh ngày 25/9/2005, chị đồng ý để anh T tiếp tục nuôi, chị không cấp phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý đơn của chị H, Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải cho bị đơn nhưng phía bị đơn anh Phạm Văn T không trả lời ý kiến bằng văn bản về nội dung khởi kiện của nguyên đơn và không đến tham gia phiên họp và hòa giải cho nên không tiến hành phiên họp và hòa giải được giữa các đương sự. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập các đương sự đến tham gia phiên tòa sơ thẩm nhiều lần nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm: nguyên đơn có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn vắng mặt, người làm chứng có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

Vị đại diện Viện kiểm sát huyện T phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và trình tự, thủ tục xét xử của Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn, người làm chứng chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không chấp hành đầy đủ về quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng H.

Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Hồng H được ly hôn với anh Phạm Văn T.

Về con chung: Phạm Thị Tường D, sinh ngày 25/10/2000 đã trưởng thành, không yêu cầu gì nên không đặt vấn đề giải quyết. Giao Phạm Thị Thúy V, sinh ngày 25/9/2005 cho anh T tiếp tục nuôi, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: chị Nguyễn Thị Hồng H, khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Phạm Văn T, có địa chỉ ấp L, xã TH, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L. Do đó, Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

- Về người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng H đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Bị đơn anh Phạm Văn T được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhiều lần nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

Người làm chứng vắng mặt nhưng đã có lời khai nên căn cứ khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt người làm chứng.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Hồng H và anh Phạm Văn T kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 27/12/1999 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện L, tỉnh Vĩnh Long, theo giấy chứng nhận kết hôn số: 26 ngày 27/12/1999, chị H và anh T kết hôn cũng đảm bảo các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét lời trình bày của chị H cho rằng: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống có phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, do cuộc sống không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi. Từ đó vợ chồng không còn tình cảm nhau và đã ly thân nhau từ tháng 7 năm 2021 đến nay. Từ khi mâu thuẫn đến nay vợ chồng không có hàn gắn được, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt nên chị yêu cầu ly hôn với anh T. Xét lời trình bày của phù hợp với lời khai của người làm chứng. Mặc khác, việc yêu cầu ly hôn của chị H thì anh T không có ý kiến gì, mặt dù Tòa án triệu tập tham gia để hòa giải nhưng anh T không tham gia. Từ đó, xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Phạm Thị Tường D, sinh ngày 25/10/2000 đã trưởng thành, không thuộc trường hợp phải cấp dưỡng, không

yêu cầu gì nên không đặt vấn đề giải quyết. Đối với Phạm Thị Thúy V, sinh ngày 25/9/2005 có nguyện vọng sống với anh T, hiện tại cuộc sống cũng đảm bảo và chị H cũng đồng ý để anh T nuôi nên tiếp tục giao Thúy V cho anh T tiếp tục nuôi, chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai có quyền cản trở là phù hợp Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không yêu cầu cấp dưỡng nên miễn xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án, sau này có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác nên miễn xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: chị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng H.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Hồng H được ly hôn với anh Phạm Văn T.

2. Về con chung: Tiếp tục giao con chung Phạm Thị Thúy V, sinh ngày 25/9/2005 cho anh Phạm Văn T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị Hồng H không phải cấp dưỡng nuôi con và chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Hồng H phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) anh Thanh đã nộp theo biên lai thu số 0014823 ngày 06/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện L;
- Thi hành án dân sự huyện L;
- Ủy ban nhân dân xã C, huyện L;
- (Giấy kết hôn số: 26, ngày 27/12/201999);
- Lưu hồ sơ vụ án.

ĐÃ KÝ

Hồ Hoàng Phong